



BỘ Y TẾ
VIỆN PASTEUR NHA TRANG

KHOA SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG – BỆNH NGHỀ NGHIỆP
DEPARTMENT OF ENVIRONMENTAL AND OCCUPATIONAL HEALTH



Mã mẫu / Sample Code: 054/10/2026/HH-VS	PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM TEST REPORT Số/No: 125/10/2026	Ngày / Date: 13/10/2026
--	--	----------------------------

Khách hàng / Client : CÔNG TY TNHH CẤP NƯỚC ĐỒNG MỸ HẢI
Địa chỉ / Address : 44 Lê Lợi, phường Phan Rang, tỉnh Khánh Hòa
Loại mẫu / Type of sample : Nước máy
Nơi lấy mẫu / Place of sampling : Cuối tuyến ống
Mô tả mẫu / Sample description : Mẫu đựng trong 1 chai nhựa 1,5 lít
Ngày lấy mẫu / Date of sampling : 07/10/2026
Ngày nhận mẫu / Sample received on : 07/10/2026
Ngày kiểm nghiệm / Sample tested on : Từ ngày 07/10/2026
Thời gian lưu mẫu / Sample storage period : 10 ngày kể từ ngày trả kết quả

STT / No	Tên chỉ tiêu / Parameter	Phương pháp kiểm nghiệm / Test method	Kết quả / Result	Giới hạn tối đa cho phép (*) / Maximum limit (*)
1	Clo dư ^(a) (mg/L)	QTKN/HL/27 (SMEWW - 4500 Cl-G:2023)	0,4	0,2 - 1
2	Coliform tổng số ^(a) (CFU/100mL)	(ISO 9308-1:2014)	< 1	< 1
3	E.coli ^(a) (CFU/100mL)	(ISO 9308-1:2014)	< 1	< 1
4	Màu ^(a) (Pt/Co)	QTKN/HL/15 (SMEWW - 2120 C:2023)	< 3,0	15
5	Mùi ^(a)	(TCVN 2653:1978)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH ^(a)	QTKN/HL/10 (SMEWW-4500 H ⁺ -B:2017)	6,6	6 - 8,5
7	Độ đục ^(a) (NTU)	QTKN/HL/01 (SMEWW-2130 B:2017)	0,1	2
8	Asen ^(a) (mg/L)	QTKN/HL/11 (SMEWW - 3125:2017)	< 0,001	0,01
9	Chỉ số Pecmanganat ^(a) (mg/L)	QTKN/HL/18 (TCVN 6186:1996)	0,9	2
10	Amoni ^(a) (mgN/L)	QTKN/HL/04 (SMEWW - 4500 NH ₃ -F:2017)	< 0,1	1

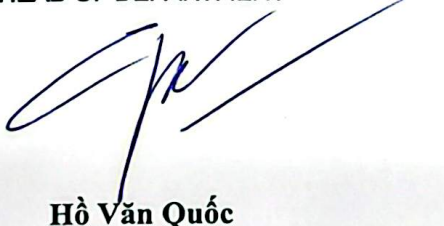
Ghi chú:

(a): Chỉ tiêu được công nhận phù hợp với ISO/IEC 17025:2017/ Parameter is accredited ISO/IEC 17025:2017

(*): Giới hạn tối đa cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt (QCVN 01-1:2024/BYT);

Nhận xét: Các thông số được phân tích trên đây nằm trong ngưỡng giới hạn cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt (QCVN 01-1:2024/BYT).

TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT


Hồ Văn Quốc

BM-TT-7.8

VIỆN TRƯỞNG
DIRECTOR



PHÓ VIỆN TRƯỞNG


Nguyễn Thành Đông

- Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu được kiểm nghiệm./ This result is only valid on tested sample.
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Pasteur Nha Trang.
/This test report must not be reproduced, partially or fully, without the written approval of Pasteur Institute in Nha Trang.
- Thông tin của khách hàng và mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample information are written as client's request.



Mã mẫu / Sample Code: 053/10/2026/HH-VS	PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM TEST REPORT Số/No: 124/10/2026	Ngày / Date: 13/10/2026
--	--	----------------------------

Khách hàng / Client : CÔNG TY TNHH CẤP NƯỚC ĐÔNG MỸ HẢI
Địa chỉ / Address : 44 Lê Lợi, phường Phan Rang, tỉnh Khánh Hòa
Loại mẫu / Type of sample : Nước máy
Nơi lấy mẫu / Place of sampling : Đầu tuyến ống
Mô tả mẫu / Sample description : Mẫu đựng trong 1 chai nhựa 1,5 lít
Ngày lấy mẫu / Date of sampling : 07/10/2026
Ngày nhận mẫu / Sample received on : 07/10/2026
Ngày kiểm nghiệm / Sample tested on : Từ ngày 07/10/2026
Thời gian lưu mẫu / Sample storage period : 10 ngày kể từ ngày trả kết quả

STT / No	Tên chỉ tiêu / Parameter	Phương pháp kiểm nghiệm / Test method	Kết quả / Result	Giới hạn tối đa cho phép (*) / Maximum limit (*)
1	Clo dư ^(a) (mg/L)	QTKN/HL/27 (SMEWW - 4500 Cl-G:2023)	0,4	0,2 - 1
2	Coliform tổng số ^(a) (CFU/100mL)	(ISO 9308-1:2014)	< 1	< 1
3	E.coli ^(a) (CFU/100mL)	(ISO 9308-1:2014)	< 1	< 1
4	Màu ^(a) (Pt/Co)	QTKN/HL/15 (SMEWW - 2120 C:2023)	< 3,0	15
5	Mùi ^(a)	(TCVN 2653:1978)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH ^(a)	QTKN/HL/10 (SMEWW-4500 H ⁺ -B:2017)	6,6	6 - 8,5
7	Độ đục ^(a) (NTU)	QTKN/HL/01 (SMEWW-2130 B:2017)	0,1	2
8	Asen ^(a) (mg/L)	QTKN/HL/11 (SMEWW - 3125:2017)	< 0,001	0,01
9	Chỉ số Pecmanganat ^(a) (mg/L)	QTKN/HL/18 (TCVN 6186:1996)	1,0	2
10	Amoni ^(a) (mgN/L)	QTKN/HL/04 (SMEWW - 4500 NH ₃ -F:2017)	< 0,1	1

Ghi chú:

(a): Chỉ tiêu được công nhận phù hợp với ISO/IEC 17025:2017/ Parameter is accredited ISO/IEC 17025:2017

(*): Giới hạn tối đa cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt (QCVN 01-1:2024/BYT);

Nhận xét: Các thông số được phân tích trên đây nằm trong ngưỡng giới hạn cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt (QCVN 01-1:2024/BYT).

TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT

HỒ VĂN QUỐC

BM-TT-7.8

VIỆN TRƯỞNG
V. DIRECTOR



PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Nguyễn Thành Đông

- Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu được kiểm nghiệm./ This result is only valid on tested sample.
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Pasteur Nha Trang.
/This test report must not be reproduced, partially or fully, without the written approval of Pasteur Institute in Nha Trang.
- Thông tin của khách hàng và mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample information are written as client's request.



Mã mẫu / Sample Code: 052/10/2026/HH-VS	PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM TEST REPORT Số/No: 123/10/2026	Ngày / Date: 13/10/2026
--	--	----------------------------

Khách hàng / Client : CÔNG TY TNHH CẤP NƯỚC ĐÔNG MỸ HẢI
Địa chỉ / Address : 44 Lê Lợi, phường Phan Rang, tỉnh Khánh Hòa
Loại mẫu / Type of sample : Nước máy
Nơi lấy mẫu / Place of sampling : Cụm xử lý nước sạch
Mô tả mẫu / Sample description : Mẫu đựng trong 1 chai nhựa 1,5 lít
Ngày lấy mẫu / Date of sampling : 07/10/2026
Ngày nhận mẫu / Sample received on : 07/10/2026
Ngày kiểm nghiệm / Sample tested on : Từ ngày 07/10/2026
Thời gian lưu mẫu / Sample storage period : 10 ngày kể từ ngày trả kết quả

STT / No	Tên chỉ tiêu / Parameter	Phương pháp kiểm nghiệm / Test method	Kết quả / Result	Giới hạn tối đa cho phép (*) / Maximum limit (*)
1	Clo dư ^(a) (mg/L)	QTKN/HL/27 (SMEWW - 4500 Cl-G:2023)	0,4	0,2 - 1
2	Coliform tổng số ^(a) (CFU/100mL)	(ISO 9308-1:2014)	< 1	< 1
3	E.coli ^(a) (CFU/100mL)	(ISO 9308-1:2014)	< 1	< 1
4	Màu ^(a) (Pt/Co)	QTKN/HL/15 (SMEWW - 2120 C:2023)	< 3,0	15
5	Mùi ^(a)	(TCVN 2653:1978)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH ^(a)	QTKN/HL/10 (SMEWW-4500 H ⁺ -B:2017)	6,5	6 - 8,5
7	Độ đục ^(a) (NTU)	QTKN/HL/01 (SMEWW-2130 B:2017)	0,1	2
8	Asen ^(a) (mg/L)	QTKN/HL/11 (SMEWW - 3125:2017)	< 0,001	0,01
9	Chỉ số Pecmanganat ^(a) (mg/L)	QTKN/HL/18 (TCVN 6186:1996)	1,0	2
10	Amoni ^(a) (mgN/L)	QTKN/HL/04 (SMEWW - 4500 NH ₃ -F:2017)	< 0,1	1

Ghi chú:

(a): Chỉ tiêu được công nhận phù hợp với ISO/IEC 17025:2017/ Parameter is accredited ISO/IEC 17025:2017

(*): Giới hạn tối đa cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt (QCVN 01-1:2024/BYT);

Nhận xét: Các thông số được phân tích trên đây nằm trong ngưỡng giới hạn cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt (QCVN 01-1:2024/BYT).

TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT

Hồ Văn Quốc

BM-TT-7.8

K. VIỆN TRƯỞNG
DIRECTOR

PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Nguyễn Thành Đông



- Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu được kiểm nghiệm./ This result is only valid on tested sample.
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Pasteur Nha Trang.
/This test report must not be reproduced, partially or fully, without the written approval of Pasteur Institute in Nha Trang.
- Thông tin của khách hàng và mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample information are written as client's request.